TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DSST
Ngày: 27/6/2024
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C R, THÀNH PHỐ C T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Lư Thành Danh*.

Ông *Bùi Thanh Trí*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trương Hoàng Minh Phương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C R, thành phố C T tham gia phiên tòa: Ông *Lê Văn Quốc* – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/06/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C R, thành phố C T tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐST-DS ngày 05/06/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TM CP A C**. (Viết tắt ACB)

Đại diện theo pháp luật: Ông **Từ T P**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, P N, Q B, thành phố H C M.

Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đình Lợi**.

Ông **Nguyễn Đình Lợi** tiếp tục uỷ quyền lại cho: Ông **Phạm Minh Thông**. Theo giấy ủy quyền số 905/UQ-QLN.24 ngày 20/06/2024 (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà ACB, 444A-446 Cách Mạng Tháng Tám, P MM, Q B, thành phố H C M.

* *Bị đơn*: Ông **Trần V N**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: C3-9, khu dân cư 586, khu vực Thạnh Thới, phường P T, quận C R, thành phố C T.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Chu N H T**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: C3-9, khu dân cư 586, khu vực Thạnh Thới, phường P T, quận C R, thành phố C T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đại diện ủy quyền cho nguyên đơn trình bày*:

ACB cấp tín dụng cho ông Trần V N căn cứ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số ANT.CN.720.100615 ngày 10//2016 (số tài khoản vay: 198874849), chi tiết như sau: Số tiền cho vay: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); phương

thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 94272829 của ông Trần V N tại ACB; thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay (từ ngày 10/6/2015 đến ngày 10/6/2020); Mục đích cho vay: UIL - Tiêu dùng tín chấp - Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Lãi suất trong hạn: 11,00%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu); Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp, ông Trần V N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 16/9/2019 ACB đã ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Hợp đồng tín dụng trả góp số ANT.CN.720.100615 nêu trên.

Tính đến ngày 27/05/2022, ông Trần V N còn nợ ACB các khoản sau: Vốn gốc: 145.348.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng), lãi trong hạn: 68.426.904 đồng (Sáu mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng), lãi quá hạn: 63.553.413 đồng (Sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm mười ba đồng), phạt trễ kỳ: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng cộng: 283.328.317 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm mười bảy đồng).

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm sau: Bảo lãnh của bà Chu N H T theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 10/6/2015. Trong đó, bà T cam kết đồng ý: Cùng trả nợ với Bên được cấp tín dụng (ông Trần V N) theo đúng kỳ hạn và các nội dung khác của hợp đồng tín dụng, phu lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của Bên được cấp tín dụng với ACB. Trả thay cho Bên được cấp tín dụng (ông Trần V N) các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với ACB khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩ vụ trả nợ. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng với nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký Giấy cam kết về việc trả nợ. Số nợ gốc tại một thời điểm không vượt quá 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Nay thấy quyền lợi bị ảnh hưởng yêu cầu tòa án nhân dân quận C R giải quyết các vấn đề sau:

Yêu cầu tòa án buộc ông Trần V N trả ngay cho ACB tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 27/05/2022 là 283.328.318 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm mười bảy đồng). Trong đó gồm: vốn gốc 145.348.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng), lãi trong hạn 68.426.904 đồng (Sáu mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng), lãi quá hạn 63.553.413 đồng (Sáu mươi ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm mười ba đồng), phạt trễ kỳ 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ông Trần V N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng trả góp số ANT.CN.720.100615 tính kể từ ngày 28/05/2022 đến ngày trả dứt nợ. Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt trễ kỳ, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Nếu ông Trần V N không thực hiện hoặc

thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Bên bảo lãnh là bà Chu N H T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 10/6/2015.

Đối với bị đơn ông Trần V N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chu N H T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục đăng báo, tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Ông N , bà T theo quy định tại điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xét xử vắng mặt Ông N , bà T an.

Do phía ông Trần V N, bà Chu N H T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần V N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Chu N H T liên đới cùng trả cho nguyên đơn ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền tổng cộng 336.371.378 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, nợ gốc 145.341.245 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), lãi trong hạn 68.760.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), lãi quá hạn 116.270.111 đồng (Một trăm mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, một trăm mười một đồng), phạt trễ kỳ 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tạm tính đến ngày 27/06/2024. Ông N , bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 28/06/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký,... và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Á Châu về việc yêu ông Trần V N, bà Chu N H T cùng trả cho ngân hàng TMCP Á Châu với số nợ gốc 145.341.245 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), lãi trong hạn 68.760.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), lãi quá hạn 116.270.111 đồng (Một trăm mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, một trăm mười một đồng) tạm tính đến ngày 27/06/2024. Ông N , bà T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 28/06/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông Trần V N, bà Chu N H T liên đới cùng trả cho nguyên đơn ngân hàng TMCP Á Châu tiền phạt trễ kỳ 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

(Có bài phát biểu kèm theo hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần V N, bà Chu N H T trả số tiền gốc 145.341.245 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng) và lãi suất… mà các bên đã ký kết hợp đồng tín dụng trả góp. Do Ông N , bà T không thực hiện theo hợp đồng và cam kết đã ký nên nguyên đơn khởi kiện. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Bộ luật dân sự điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự mà cụ thể là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận C R, thành phố C T nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C R theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục*: ông Trần V N, bà Chu N H T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự hòa giải cũng như xét xử. Do đó, Tòa án đã làm thủ tục đăng báo, tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho Ông N , bà T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với Ông N , bà T là có cơ sở.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 145.341.245 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng) và tiền lãi, tiền phạt trễ kỳ tính từ ngày 16/09/2019 đến ngày 27/06/2024 theo hợp đồng tín dụng trả góp, cam kết về việc trả nợ mà các bên đã ký cho đến khi bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thanh toán dứt nợ. Cở sở để nguyên đơn khởi kiện là "Hợp đồng tín dụng trả góp số ANT.CN.720.100615 (Số tài khoản vay 198874849) ngày 10/06/2015, thông báo lịch trả nợ vay ngày 10/06/2015, cam kết về việc trả nợ có chữ ký của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Sau khi ký hợp đồng tín dụng trả góp nói trên với bị đơn, nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Trần V N theo hợp đồng tín dụng trả góp mà các bên đã ký kết.

Nhận thấy, nội dung của hợp đồng tín dụng trả góp, sự thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng tín dụng trả góp về số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, thời điểm trả nợ, phương thức thức trả nợ… phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, khi ký kết hợp đồng tín dụng người tham gia hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Trong quá trình thực hiện, nguyên đơn đã làm đúng theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng. Ông N đã vi phạm thời hạn thanh toán, nghĩa vụ trả nợ các khoản đã vay, bà T làm cam kết về việc đồng ý trả nợ cùng Ông N , đây là sự tự nguyện của bà T phù hợp với quy định. Do Ông N , bà T vi phạm không thanh toán khoản nợ còn thiếu nên ngân hàng đi khởi kiện. Tòa án đã triệu tập hợp lệ Ông N , bà T nhiều lần để cho Ông N , bà T có ý kiến trình bày

về khoản nợ vay này nhưng Ông N , bà T vẫn không tham gia hòa giải, xét xử,… điều đó cho thấy Ông N , bà T tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do Ông N là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng trả góp, nhận tiền vay nên phải là người có nghĩa vụ đối với số nợ đã ký nhận. Bà T mặc dù không ký hợp đồng tín dụng trả góp cũng như nhận tiền vay nhưng tự nguyện làm cam kết trả nợ cho nguyên đơn cùng với Ông N . Ngoài ra, việc Ông N vay tiền từ nguyên đơn là nhằm mục đích mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình mà bà T với Ông N là vợ chồng, bà T cũng biết rõ khoản vay nên mới làm cam kết trả nợ cùng Ông N . Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ông N , bà T cùng có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi suất cho ngân hàng là phù hợp.

Về phần lãi suất, ngân hàng yêu cầu tính lãi 11%/năm và lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn từ ngày 16/09/2019 đến ngày 27/06/2024 và lãi phát sinh từ ngày 28/06/2024 cho đến khi Ông N , bà T thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng trả góp các bên đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất này các đương sự đã thỏa thuận theo nội dung hợp đồng tín dụng góp vốn và mức lãi này phù hợp với quy định tại Điều 91, 94 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên chấp nhận. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông N , bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành án.

Riêng đối với việc phía nguyên đơn yêu cầu Ông N , bà T trả tiền phạt trễ kỳ 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, phía bị đơn vi phạm việc thanh toán nợ cho nguyên đơn thì đã chịu lãi suất trong hạn và quá hạn trong việc chậm thanh toán nợ vay nay phải buộc Ông N , bà T trả tiền phạt trả trễ kỳ là có việc lãi chồng lãi. Bên cạnh đó, căn cứ theo quy định tại Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì chỉ tính lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được, đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án chỉ xem xét quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn. Mặc dù, theo hợp đồng tín dụng trả góp các bên có thỏa thuận tiền phạt trễ kỳ nhưng thỏa thuận này không phù hợp với các quy định đã nêu nên Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự trên phần nguyên đơn được chấp nhận và nguyên đơn phải chịu án phí trên phần không được chấp nhận.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn phải chịu lệ phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 117, 124, 290, 298, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TM CP A C.

Buộc ông Trần V N, bà Chu N H T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TM CP A C số tiền tổng cộng 330.371.378 đồng (Ba trăm ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó, tiền gốc 145.341.245 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), lãi trong hạn 68.760.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), lãi quá hạn 116.270.111 đồng (Một trăm mười sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, một trăm mười một đồng) tạm tính đến ngày 27/06/2024.

Ngân hàng TM CP A C có quyền tính lãi tiếp tục theo hợp đồng tín dụng trả góp số ANT.CN.720.100615 (Số tài khoản vay 198874849) ngày 10/06/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký từ ngày 28/06/2024 cho đến khi phía ông Trần V N, bà Chu N H T thanh toán dứt nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM CP A C về việc yêu cầu ông Trần V N, bà Chu N H T có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt trễ kỳ với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần V N, bà Chu N H T phải chịu 16.518.500 đồng (Mười sáu triệu, năm trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng). Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã đóng thì nguyên đơn được nhận lại 6.783.208 đồng (Sáu triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm lẻ tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008786 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 2.820.000 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền này nguyên đơn đã thực hiện xong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM

- Nơi nhận:
+ VKSND quận C R;
+ Chi Cục THADS quận C R;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.